

QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA CÁ NHÂN VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỔ TỤNG ĐẶC BIỆT

VÕ HỒNG PHƯỢNG* - VÕ MINH KỲ**

Quyền riêng tư của cá nhân là một quyền được ghi nhận và bảo vệ bởi pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong tố tụng hình sự là một sự giới hạn quyền riêng tư nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa quyền cá nhân và lợi ích xã hội. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đang tiềm ẩn những rủi ro xâm phạm đến quyền riêng tư của cá nhân. Bài viết phân tích quyền riêng tư của cá nhân và mối liên hệ với biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, cũng như các hạn chế của các biện pháp này có thể dẫn đến sự lạm quyền xâm phạm đến quyền riêng tư và đưa ra kiến nghị hoàn thiện.

Từ khóa: Quyền riêng tư, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

The international law and Vietnamese law respect and protect the right to personal privacy as a basic human right. The application of special methods of investigation and proceedings in criminal procedure is a limitation on the right to privacy in order to balance the right to individuals and the interest of community. However, the current provisions of such methods contain several deficiencies violating the right to privacy of individuals. The paper, firstly, presents the right to privacy and its relation to the special methods of investigation and proceedings, then analyses the deficiencies of such methods and proposes several recommendations.

Keywords: Right to privacy, special methods of investigation and proceedings.

1. Quyền riêng tư của cá nhân

Quyền riêng tư của cá nhân là một trong các quyền con người cơ bản được ghi nhận và bảo vệ từ lâu trên thế giới. Bản Tuyên ngôn về quyền con người năm 1948 đã khẳng định “Không ai có thể bị xâm phạm một cách độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hay bị xúc phạm đến danh dự hay thanh danh. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy”.⁽¹⁾ (Điều 12).

Cụ thể hóa hơn quy định này, Điều

17 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) khẳng định: “(1) Không ai bị can thiệp một cách độc đoán và bất hợp pháp đến đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín; hoặc bị xúc phạm một cách bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. (2) Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại mọi sự can thiệp và xúc phạm như vậy”.⁽²⁾

Năm 2004, Tổ chức Bảo mật Quốc tế và Trung tâm bảo mật thông tin điện tử có

* Thạc sĩ, Giảng viên Trường Đại học Cần Thơ

** Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

¹ The 1948 Universal Declaration of Human Rights, article 12

² The 1966 International Covenant on Civil and Political Rights, article 17

báo cáo “Quyền riêng tư và nhân quyền” với nội dung công bố về sự phát triển của pháp luật về bảo vệ sự riêng tư ở 50 quốc gia từ năm 1997. Theo đó, quyền riêng tư có các nội dung cơ bản sau: (1) Sự riêng tư về thông tin cá nhân: bao gồm việc ban hành các quy tắc quản lý trong việc thu thập và xử lý các dữ liệu cá nhân như thông tin tín dụng, hồ sơ y tế và các hồ sơ của chính quyền lưu trữ về công dân đó. Nó còn được gọi là «bảo vệ dữ liệu»; (2) Sự riêng tư về cơ thể: liên quan đến việc bảo vệ thân thể (vật chất) của người dân đối với hình thức xâm hại như xét nghiệm di truyền, thử nghiệm ma túy và thử nghiệm lâm sàng trên cơ thể; (3) Sự riêng tư về thông tin liên lạc: bao gồm bảo mật và riêng tư về thư từ, bưu phẩm, điện thoại, thư điện tử và các hình thức truyền thông khác; (4) Sự riêng tư về nơi cư trú: liên quan đến việc ban hành các giới hạn đối với sự xâm nhập vào môi trường sống của cá nhân, nơi làm việc hoặc không gian công cộng. Điều này bao gồm tìm kiếm thông tin, theo dõi bằng video và kiểm tra giấy tờ tùy thân.⁽¹⁾

Như vậy, khái niệm quyền riêng tư đã ra đời và phát triển khá lâu như là một quyền cơ bản trong pháp luật quốc tế về quyền con người và hiện nay, quyền này đang định hình, khẳng định vai trò của nó trong hệ thống các quyền nhân thân của cá nhân.

Trong quan niệm của các nước phương Tây, sự ghi nhận về quyền riêng tư của cá nhân bắt nguồn từ hai quan điểm

khác nhau. Theo các nước thuộc hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa, quyền riêng tư là sự cần thiết trong việc bảo vệ nhân phẩm (dignity) của cá nhân. Có nghĩa là, quyền riêng tư là một công cụ cần thiết để tránh sự công khai các thông tin cá nhân ra trước cộng đồng, và có thể dẫn đến sự xấu hổ hoặc xúc phạm của cộng đồng đối với một cá nhân. Như vậy, mỗi nguy hại lớn nhất đối với quyền riêng tư của cá nhân trong quan niệm các nước dân luật là các cơ quan truyền thông. Mặt khác, hệ thống pháp luật Anh – Mỹ lại quan niệm quyền riêng tư được bắt nguồn và có cơ sở từ các giá trị của tự do cá nhân (liberty), đặc biệt là tự do cá nhân chống lại quyền lực nhà nước. Các định chế bảo vệ quyền riêng tư trong pháp luật Hoa Kỳ thường nhấn mạnh đến việc chống lại sự xâm phạm của quyền lực nhà nước vào không gian riêng tư của một cá nhân bởi sự lo ngại về một quyền lực nhà nước độc đoán, chuyên chế sẽ bóp nghẹt đời sống cá nhân.⁽²⁾ Sự xâm phạm của các chủ thể tư nhân đối với quyền riêng tư không được chú ý nhiều đến trong giai đoạn đầu phát triển của hệ thống pháp luật này.

Về sau, giữa hai hệ thống này có sự giao thoa và học hỏi lẫn nhau, do đó, quyền riêng tư hiện nay trên hầu hết các nước trên thế giới đều có hai chức năng chính yếu, đó là chống lại sự xâm phạm của nhà nước vào đời sống riêng tư, và chống lại sự xâm phạm của cộng đồng vào không gian cá nhân. Qua đó, quyền riêng tư là một đảm bảo quan trọng nhằm bảo vệ nhân phẩm và tự do của một cá nhân trong cộng đồng chính trị.

¹ Đinh Tiến Dũng, “Quyền riêng tư trong Hiến pháp năm 2013 và các biện pháp bảo đảm bằng pháp luật (P1),” *Tạp chí Thông tin và Truyền thông*, ngày 3/11/2015, <http://ictvietnam.vn/quyen-rieng-tu-trong-hien-phap-nam-2013-va-cac-bien-phap-bao-dam-bang-phap-luat-p1--4552-bcvt.htm>, [truy cập ngày 17/8/2018]

² James Q. Whitman, “The Two Western Cultures of Privacy: Dignity versus Liberty,” 113 *Yale Law Journal* 1151 (2004), p.1161-1162

Tại Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định, quyền riêng tư của cá nhân là “quyền bất khả xâm phạm”, mọi cá nhân đều được pháp luật bảo đảm an toàn về thông tin đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình. Ngoài ra, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân cũng được Hiến pháp bảo vệ.⁽¹⁾ Như vậy, nhóm quyền bất khả xâm phạm về riêng tư của cá nhân bao gồm: (1) quyền về thông tin đời sống riêng tư, (2) quyền bảo vệ bí mật cá nhân, (3) quyền bảo vệ bí mật gia đình, (4) quyền giữ bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Trên cơ sở Hiến pháp, các Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, và các luật chuyên ngành khác như Luật Giao dịch điện tử, Luật an toàn thông tin mạng, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông, Luật Bưu chính đều có các quy định cụ thể về việc bảo vệ quyền riêng tư, bảo vệ thông tin cá nhân và nghiêm cấm các hành vi xâm phạm quyền riêng tư trong các hoạt động bưu chính, viễn thông, an toàn thông tin mạng, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Như vậy, trên bình diện quốc tế và quốc gia, quyền riêng tư của cá nhân đóng một vai trò quan trọng như là một quyền cơ bản của con người, được tôn trọng và bảo vệ bởi nhiều quy định và cơ chế khác nhau.

2. Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và mối quan hệ với quyền riêng tư của cá nhân

Trong bối cảnh hiện nay, với sự trợ giúp của các thiết bị công nghệ, thông tin điện tử, mức độ và tính chất của tội phạm

trở nên tinh vi, khó đoán, và nguy hiểm hơn. Các biện pháp điều tra truyền thống tỏ ra không hiệu quả trong việc thu thập chứng cứ để xác định sự thật vụ án trong nhiều trường hợp.⁽²⁾ Một đặc điểm thường có trong các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ truyền thống là sự công khai của các biện pháp đó, thường có sự tham gia của nhiều người, và các chứng cứ trong vụ án nhiều khả năng bị làm sai lệch hoặc bị che giấu bởi người phạm tội.

Do đó, để đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm trong bối cảnh mới, Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, chương XIV, từ Điều 223 đến Điều 228 quy định về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Theo đó, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là các hoạt động điều tra mang tính chất bí mật, bao gồm: (1) ghi âm bí mật; (2) ghi hình bí mật; (3) nghe điện thoại bí mật; (4) thu thập bí mật dữ liệu điện tử.

Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng khi vụ án rơi vào một trong hai trường hợp, gồm: (1) những vụ án liên quan tới tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; hoặc (2) tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.⁽³⁾ Khi áp dụng biện pháp này, Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng VKS có thẩm quyền và người thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải giữ bí mật về việc áp dụng này.⁽⁴⁾ Về việc

2 Hà Thanh, “Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng,” *Trang thông tin Ban nội chính Trung ương*, 24/3/2016, <http://noichinh.vn/ho-so-tu-lieu/201603/bien-phap-dieu-tra-to-tung-dac-biet-trong-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-300299/>, [truy cập ngày 21/5/2018]

³ Điều 224 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

⁴ Khoản 4 Điều 225 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1 Điều 21 Hiến pháp năm 2013.

xử lý thông tin được thu thập, theo quy định, các tài liệu, thông tin được thu thập từ các biện pháp này sẽ được xử lý theo hai hướng. Thứ nhất, các tài liệu, thông tin có liên quan đến vụ án có thể được sử dụng làm chứng cứ trong khởi tố, điều tra, truy tố, và xét xử vụ án hình sự. Thứ hai, các tài liệu, thông tin không liên quan đến vụ án phải được tiêu hủy kịp thời để tránh làm lộ bí mật cá nhân của người bị áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.⁽¹⁾

Có thể thấy rằng, việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là một sự xâm phạm của quyền lực nhà nước vào không gian của đời sống riêng tư của một cá nhân. Có nghĩa là, bằng các quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nhà nước đã giới hạn quyền riêng tư của cá nhân trong một số trường hợp cụ thể mà các biện pháp này được áp dụng. Sự giới hạn của nhà nước đối với quyền riêng tư của cá nhân có cơ sở pháp lý từ khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp năm 2013, theo đó *“quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.”*

Quan điểm được chấp nhận rộng rãi là phần lớn các quyền con người mang tính tương đối (relative right) nên có thể bị giới hạn. Chỉ có một số ít quyền tuyệt đối (absolute right), tức không bị xâm phạm trong bất kỳ trường hợp nào. Quyền được tôn trọng về nhân phẩm, trong đó bao gồm quyền không bị làm nô lệ, quyền không bị tra tấn và đối xử một cách tàn ác, được phân đông thừa nhận mang tính tuyệt đối, không thể bị hạn chế. Ngoài ra,

một quan điểm vẫn còn gây tranh cãi cho rằng, quyền sống và quyền được xét xử công bằng cũng là quyền tuyệt đối. Ngoài những quyền tuyệt đối, các quyền còn lại đều có thể bị giới hạn ở những mức độ khác nhau. Như vậy, sự giới hạn quyền là hiện tượng bình thường và phổ biến ở mọi quốc gia.⁽²⁾ Đây là vấn đề cân bằng về lợi ích giữa cá nhân và cộng đồng, theo đó, quyền cá nhân phải có sự hài hòa và cân bằng với sự tồn tại và phát triển của cộng đồng chính trị.

Theo quan điểm của ICCPR, quyền riêng tư là một dạng quyền tương đối, bởi ICCPR chỉ nghiêm cấm các hành vi xâm phạm đến riêng tư một cách “bất hợp pháp” (unlawful). Suy ra, nếu việc xâm phạm là hợp pháp thì có thể được chấp nhận ở một mức độ nào đó. Tại Việt Nam, việc ghi nhận các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cũng đồng nghĩa với việc nhìn nhận quyền riêng tư là một quyền tương đối. Quan điểm nhìn nhận quyền riêng tư là một quyền tương đối cũng tương đồng với quan điểm của nhiều công ước quốc tế và các quốc gia khác.

Như vậy, sự hạn chế quyền riêng tư trong trường hợp áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự là một sự hạn chế phù hợp với quy định của quốc gia và quốc tế.

3. Những hạn chế của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể xâm phạm quá mức đến quyền riêng tư

Việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, hay nói cách khác, việc thu thập bí mật thông tin cá nhân của các

¹ Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

² Bùi Tiến Đạt, “Hiến pháp hóa nguyên tắc giới hạn quyền con người: Cần nhưng chưa đủ,” *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 6/2015, tr.3-4

đối tượng bị áp dụng là sự giới hạn rõ ràng của nhà nước đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Sự giới hạn của nhà nước đối với quyền cơ bản là có thể chấp nhận, nếu sự giới hạn đó được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch, và phù hợp với mục đích của việc giới hạn. Đặc biệt, sự giới hạn đó chỉ được thực hiện khi “cần thiết.”⁽¹⁾ Tuy nhiên, những quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt còn một số hạn chế pháp lý có khả năng xâm phạm đến đời sống riêng tư của cá nhân vượt quá mục đích ban đầu của các biện pháp này.

Thứ nhất, đối tượng có khả năng bị áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không bị giới hạn bởi luật. Hiện nay, BLTTHS năm 2015 không có bất cứ quy định nào về đối tượng có thể bị áp dụng các biện pháp này. Có thể thấy, các chứng cứ có được từ việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nếu được cơ quan điều tra và Viện kiểm sát sử dụng thì đều phải được trình bày, kiểm tra, tranh luận và làm rõ tại phiên tòa. Có nghĩa là, về nguyên tắc, người bị áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt này phải là một trong những người tham gia tố tụng để có thể có mặt tại phiên tòa nhằm trình bày các vấn đề liên quan đến các chứng cứ này thì việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt mới có ý nghĩa trong việc hỗ trợ giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, việc không minh định cụ thể các đối tượng có thể bị áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì những người có thể bị xâm phạm đến đời sống riêng tư không chỉ các cá nhân tham gia tố tụng có liên quan đến vụ án, mà còn là bất kỳ cá nhân nào mà người có thẩm

quyền áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cho rằng cần thiết thu thập thông tin đời tư của họ một cách bí mật để giải quyết vụ án, ngay cả khi người đó không có tư cách tham gia tố tụng. Điều này có thể dẫn đến một lo ngại về sự tùy tiện của người có thẩm quyền trong việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong việc thu thập thông tin cá nhân của một đối tượng, bất kể việc thu thập thông tin đó có thực sự cần thiết cho vụ án hay không.

Thứ hai, việc xử lý thông tin được thu thập từ các biện pháp điều tra bí mật này vẫn còn rủi ro rò rỉ thông tin cá nhân của người bị áp dụng. Khoản 1 và khoản 2 Điều 227 BLTTHS năm 2015 quy định thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án thì phải được tiêu hủy kịp thời; và thông tin, tài liệu (có liên quan) có thể được sử dụng làm chứng cứ vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, và xét xử. Như vậy, để một tài liệu, thông tin được dùng làm chứng cứ thì phải đáp ứng hai điều kiện là: (1) có liên quan vụ án, và (2) được người có thẩm quyền sử dụng. Từ quy định trên, ta thấy có một khoảng hở trong việc xử lý các thông tin, tài liệu được thu thập từ các biện pháp điều tra bí mật, đó là các thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ án, nhưng không được người có thẩm quyền sử dụng như là chứng cứ trong vụ án thì xử lý như thế nào.

Để được coi là chứng cứ thì một thông tin, hoặc một tài liệu phải có đủ ba thuộc tính: khách quan, liên quan, và hợp pháp.⁽²⁾ Như vậy, không phải tất cả mọi thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ án được thu thập bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đều có thể trở thành chứng

¹ Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013

² Điều 86 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

cứ, mà một số thông tin, tài liệu có thể sẽ thiếu một hoặc hai thuộc tính còn lại. Có nghĩa là, một mặt, việc tiêu hủy chỉ áp dụng nếu thông tin, tài liệu đó thiếu tính liên quan. Mặt khác, việc sử dụng làm chứng cứ chỉ được thực hiện nếu thông tin, tài liệu đó có đủ ba thuộc tính liên quan, khách quan, hợp pháp.

Việc xử lý những thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ án, nhưng thiếu tính khách quan, hoặc tính hợp pháp, hoặc cả hai nên không được dùng làm chứng cứ thì lại chưa được quy định. Từ đó, dẫn đến rủi ro tổn động, rò rỉ những thông tin đời tư của cá nhân bị áp dụng các biện pháp điều tra bí mật này.⁽¹⁾

Như vậy, các quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đang tiềm ẩn những rủi ro xâm phạm đến quyền riêng tư của cá nhân. Một mặt, các quy định này có thể xâm phạm đến quyền riêng tư của những cá nhân không liên quan đến vụ án. Mặt khác, các quy định này có thể làm rò rỉ những thông tin riêng tư không liên quan đến vụ án hình sự.

4. Kiến nghị và kết luận

Quyền riêng tư của cá nhân là một trong những quyền cơ bản của cá nhân được ghi nhận trong pháp luật quốc tế cũng như pháp luật Việt Nam. Sự giới hạn quyền riêng tư của cá nhân bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong tố tụng hình sự là một sự giới hạn cần thiết trong công cuộc phòng chống tội phạm, là sự cân bằng giữa quyền cá nhân và lợi ích xã hội. Tuy nhiên, các quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt hiện nay

còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm quyền xâm phạm đến quyền riêng tư của cá nhân một cách không “cần thiết” như quy định của Hiến pháp.

Do đó, người viết cho rằng cơ quan lập pháp nên cân nhắc những kiến nghị sau nhằm khắc phục những rủi ro lạm quyền xâm phạm đến quyền riêng tư của cá nhân.

Một là, nên giới hạn đối tượng bị áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đến những người tham gia tố tụng. Có nghĩa là, một khi áp dụng các biện pháp này đến một hoặc một số người cụ thể, thì những người đó phải mang tư cách tố tụng cụ thể và đưa vào quy trình tố tụng để họ có thể trình bày về những chứng cứ được thu thập từ những biện pháp đó. Điều này tránh sự lạm quyền của cơ quan có thẩm quyền trong việc thu thập thông tin đời tư của những người không liên quan đến vụ án, không có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án hình sự.

Hai là, nên quy định cụ thể trình tự xử lý tài liệu, thông tin được thu thập từ các biện pháp này. Theo đó, bất kỳ tài liệu, thông tin đủ ba thuộc tính liên quan, khách quan, và hợp pháp thì buộc phải dùng làm chứng cứ. Thiếu một trong ba thuộc tính thì buộc phải tiêu hủy. Như vậy, sẽ không còn khoảng hở trong việc tổn động các tài liệu, thông tin có liên quan đến vụ án, nhưng thiếu tính khách quan, hoặc tính hợp pháp, hoặc cả hai. Từ đó, tránh được sự xâm phạm đến quyền riêng tư của cá nhân một cách không cần thiết./.

1 Võ Minh Kỳ, “Các quy định pháp luật về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt,” *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, ngày 25/5/2018, <http://tcdclp.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=440>, [truy cập ngày 31/5/2018]